TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nga;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 768/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 244/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô N, sinh năm 2002; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã A, thành phố Cần Thơ; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ U, tổ 7, khu phố L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Thạch Đ, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn T, tổ 6, khu phố L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 28/5/2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô N trình bày:

Bà Ngô N và ông Thạch Đ chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào năm

2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101 ngày 28/12/2020. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện. Trong quá trình chung sống, đến khoảng đầu năm 2025 giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Bà N cho rằng vợ chồng không hòa hợp về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Hiện nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn chung sống và đã ly thân từ khoảng tháng 3/2026 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Ngô N và ông Đ có 01 người con chung tên: Thạch P, sinh ngày 26/7/2022. Tại đơn khởi kiện, bà Ngô N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu ông Thạch Đ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại buổi làm việc hôm nay, bà N xin rút lại yêu cầu về mức cấp dưỡng, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, bà N đang làm công nhân tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại P, địa chỉ: Khu công nghiệp B, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh. Thu nhập bình quân mỗi tháng gần 12.000.000 đồng. Bản thân bà N có chỗ ở ổn định, môi trường sống an toàn và hoàn toàn đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng Cháu P phát triển tốt nhất. Mặt khác, từ thời điểm vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu P vẫn ở với bà N và do một mình bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô N không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch Đ: Ông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N: Bà N ly hôn với ông Đ; giao con chung là cháu Thạch P cho bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng; đình chỉ đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà N.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn ông Thạch Đ có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại: Nhà trọ T, tổ 6, khu phố L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Ngô N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Thạch Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.3] Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bị đơn ông Thạch Đ vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ, không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như từ chối quyền tự bảo vệ của mình và chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/7/2026, gửi kết quả cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, ngoài chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của bà N, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Ngô N và bị đơn ông Thạch Đ trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101 ngày 28/12/2020. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Bà N trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Gia đình hai bên nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện tại, bà N và ông Đ không còn sống chung nhà và đã ly thân từ tháng 3/2026 cho đến nay.

Xét thấy, để có căn cứ xác định lời trình bày của bà N về trình trạng mâu

thuẫn hôn nhân vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú và sinh sống của bà N và ông Đ, về tình trạng mâu thuẫn hôn nhân vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ, vì khi xảy ra mâu thuẫn cả hai không báo địa phương để tổ chức hòa giải. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Đ để làm rõ lời trình bày của bà N và tổ chức hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông Đ không tham gia, không gửi ý kiến trình bày, vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình của ông Đ.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ngô N và ông Thạch Đ có 01 người con chung tên: Thạch P, sinh ngày 26/7/2022.

Xét thấy, sau thời điểm bà N và ông Đ sống ly thân, Cháu P do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến nay, hiện tại cháu P 04 tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Ngoài ra, bà N có điều kiện kinh tế ổn định, đủ điều kiện chăm sóc con chung. Sau khi ly hôn để không làm thay đổi tâm sinh lý của cháu Phú, việc giao cháu P cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà N yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu P với số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 21/7/2026, bà N có đơn xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này và không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô N về việc yêu cầu ông Thạch Đ cấp dưỡng nuôi cháu Thạch P, sinh ngày 26/7/2022 mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô N đối với bị đơn ông Thạch Đ về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Ngô N được ly hôn với ông Thạch Đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 28/12/2020 cho bà Ngô N và ông Thạch Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 01 người con chung tên: Thạch P, sinh ngày 26/7/2022 cho bà Ngô N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Thạch Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Thạch Đ thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Thạch Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Ngô N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số 0038731 ngày 18/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Nhị Trường, tỉnh Vĩnh Long);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiều Oanh